

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌM SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1164/UBND - LĐTBXH
V/v báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện
công tác giảm nghèo 6 tháng đầu năm
2018

Bim Sơn, ngày 18 tháng 6 năm 2018

Kính gửi: UBND các xã, phường.

Thực hiện Công văn số 1279/SLĐTBXH-BTXH ngày 31/5/2018 của Sở Lao động – Thương binh và xã hội về việc báo cáo tiến độ, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo 6 tháng đầu năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018. UBND thị xã Bim Sơn đề nghị UBND các xã phường báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện công tác giảm nghèo 6 tháng đầu năm 2018. Báo cáo nêu rõ:

1. Các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác giảm nghèo.
2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo
3. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và những nguyên nhân.
4. Phương hướng, nhiệm vụ, các giải pháp cụ thể và các kiến nghị đề xuất 6 tháng cuối năm 2018 để hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

(Có đề cương, phụ lục kèm theo)

Đề nghị UBND các xã, phường quan tâm, tổng hợp báo cáo đủ thông tin, đạt yêu cầu để UBND Thị xã tổng hợp, báo cáo Sở Lao động – TBXH.

Báo cáo gửi về UBND Thị xã (qua phòng Lao động - TBXH) trước ngày 30/6/2018, đồng thời gửi kèm file điện tử báo cáo qua địa chỉ email: hueht.bimson@thanhhoa.gov.vn ngay khi hoàn chỉnh, ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, LĐTBXH.



Mai Đình Lâm

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo 6 tháng đầu năm 2018
và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018

(Kèm theo Công văn số 164/UBND-LĐTĐBXH ngày 18/6/2018
của UBND Thị xã Bim Sơn)

Phần thứ nhất

TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH

Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện.

(Nêu rõ số, ngày tháng ban hành, trích yếu các Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện)

II. HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC NĂM 2018

1. Kinh phí huy động từ các tổ chức, cá nhân

+ Hỗ trợ của các Doanh nghiệp.

+ Huy động từ nguồn lực người dân (ngày công, vật tư, vật liệu, đất...)

+ Huy động từ các nguồn khác (ghi rõ). Ví dụ: từ các tổ chức chính trị, đoàn thể: MTTQ, Đoàn thanh niên, Hội Nông dân, Phụ nữ.... (Chỉ tính vốn trực tiếp do nguồn của các hội, không tính vốn phối hợp hoặc được giao từ các Chương trình MTQG, các dự án có cơ quan chủ trì khác)

2. Vốn cho các chính sách giảm nghèo chung

Tổng vốn cho chính sách: Hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo; Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo; Hỗ trợ về y tế và dinh dưỡng....

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Điều tra thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu; thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo, tăng thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

1.1. Điều tra, thu thập thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo

Tiến độ thu thập phiếu C, C1 và nhập dữ liệu

1.2. Thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo, tăng thu nhập

- Kết quả giao chỉ tiêu giảm số hộ nghèo; số hộ, khẩu nghèo biến động trong 6 tháng đầu năm 2018

- Ước thu nhập bình quân của hộ nghèo 6 tháng đầu năm 2018

1.3. Thực hiện chỉ tiêu tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

- Kết quả giao chỉ tiêu tiếp cận DVXHCB; số hộ, khẩu được hỗ trợ, tác động trong 6 tháng đầu năm 2018

2. Thực hiện các chính sách giảm nghèo, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

Về giáo dục; Về y tế; Về nhà ở; Về hỗ trợ đất sản xuất, nước sạch và vệ sinh; Về tiếp cận thông tin, trợ giúp pháp lý.

3. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi tín dụng

4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức, khơi dậy ý chí vươn lên thoát nghèo;

5. Kết quả trợ giúp xã hội, hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội

6. Hỗ trợ của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể và doanh nghiệp

- Kết quả hoạt động các quỹ: “Quỹ vì người nghèo”; “Những tấm lòng vàng”; Quỹ hỗ trợ nông dân; “Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế”; “Giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ”; Quỹ “Mái ấm đồng đội”...

- Các hoạt động hỗ trợ, trợ giúp khác

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về những kết quả đạt được

2. Về những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

3. Dự báo khả năng thực hiện các chỉ tiêu giảm nghèo 2018

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

I. NHIỆM VỤ

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

(Kèm theo các phụ lục báo cáo)./.

Phụ lục số 06

BẢNG CHỈ TIÊU THEO DÕI CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO CHUNG

(Kèm theo Công văn số 1164/UBND-LĐTĐBXH ngày 18/6/2018 của UBND Thị xã)

UBND:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2018	Kết quả thực hiện Chương trình		Ghi chú
				6 tháng đầu năm 2018	KH 6 tháng cuối năm 2018	
1	Chính sách tín dụng ưu đãi đối với người					
1	Chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo					
	- Số hộ nghèo được vay vốn	Hộ				
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng				
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng				
2	Chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ cận					
	Số hộ cận nghèo được vay vốn	Hộ				
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng				
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng				
3	Chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ mới thoát					
	Số hộ mới thoát nghèo được vay vốn	Hộ				
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng				
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng				
4	Chương trình cho vay tín dụng HS-SV					
	- Số hộ được vay vốn	Hộ				
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng				
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng				
5	Cho vay NSVSM					
	- Số hộ được vay vốn	Hộ				
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng				
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng				
6	Chương trình tín dụng Giải Quyết việc làm					
	- Số hộ được vay vốn	Hộ				
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng				
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng				
7	Cho vay XKLD có thời hạn ở nước ngoài					
	- Số hộ được vay vốn	Hộ				
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng				
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng				
8	Cho vay đối với hộ gia đình SXKD tại vùng khó					
	- Số hộ được vay vốn	Hộ				
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng				
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng				
9	Cho vay thương nhân vùng khó khăn					
	- Số hộ được vay vốn	Hộ				

Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2018	Kết quả thực hiện Chương trình		Ghi chú
				6 tháng đầu năm 2018	KH 6 tháng cuối năm 2018	
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng				
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng				
10	Cho vay hộ nghèo làm nhà ở					
	- Số hộ được vay vốn	Hộ				
	- Tổng số tiền được vay	Triệu đồng				
	- Tổng số dư nợ	Triệu đồng				
II	Chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo, người cận nghèo, DTTS, khác					
1	Số người nghèo được hỗ trợ cấp thẻ BHYT	Người				
	- Người nghèo thuộc hộ nghèo về thu nhập được NSNN hỗ trợ 100%	Người				
	- Người nghèo thuộc hộ nghèo thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản được NSNN hỗ trợ 70% theo NQ 40/NQ-CP	Người				
	- Tổng số kinh phí	Triệu đồng				
2	Số người cận nghèo được hỗ trợ mua thẻ BHYT	Người				
	- Người cận nghèo được hỗ trợ 70% mức đóng theo 797/QĐ-TTg	Người				
	- Người cận nghèo được hỗ trợ 100% mức đóng theo QĐ/705-TTg	Người				
	- Tổng số kinh phí	Triệu đồng				
4	Đối tượng nông, lâm, ngư diêm nghiệp có mức sống trung bình	Người				
	- Tổng số kinh phí	Triệu đồng				
5	Các đối tượng khác	Người				
	- Tổng số kinh phí	Triệu đồng				
III	Chính sách hỗ trợ trong giáo dục- đào tạo					
1	Chính sách miễn giảm học phí					
	- Số HS nghèo được miễn giảm học phí	H. sinh				
	- Kinh phí Miễn giảm	Triệu đồng				
2	Chính sách trợ cấp xã hội cho HS-SV					
	- Số HSSV được trợ cấp XH	H. sinh				
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng				
IV	Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở					
1	Số hộ nghèo được hỗ trợ theo QĐ 22/2013/QĐ-TTg	Hộ				
	- Kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng				
2	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được hỗ trợ nhà ở theo QĐ 33/2014/QĐ-TTg	Hộ				
	- Kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng				

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2018	Kết quả thực hiện Chương trình		Ghi chú
				6 tháng đầu năm 2018	KH 6 tháng cuối năm 2018	
3	Số hộ nghèo được hỗ trợ làm nhà tránh lũ theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014	Hộ				
	- Kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng				
V	Chính sách hỗ trợ lao động nghèo đào tạo nghề miễn phí, tạo việc làm, XKLD					
1	Số LĐ thuộc hộ nghèo được đào tạo nghề ngắn hạn, miễn phí	Lao động				
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng				
	Số LĐ thuộc hộ nghèo sau khi được đào tạo nghề ngắn hạn, miễn phí có được việc làm	Lao động				
2	Số LĐ thuộc hộ nghèo được hỗ trợ đi XKLD	Lao động				
	- Kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng				
	- Số người đã xuất khẩu lao động	Người				
VII	Chính sách trợ giúp Pháp lý cho người nghèo					
1	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức trợ giúp pháp lý	Lớp				
	- Số người tham dự	Người				
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng				
2	Tổ chức các buổi sinh hoạt trợ giúp PL	buổi				
	- Số người tham dự	Người				
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng				
3	Số lượt Tư vấn pháp luật cho người nghèo, đồng bào DTTS	Lượt				
	- Số người được tư vấn, hỗ trợ	Người				
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng				
VIII	Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo					
	- Số hộ nghèo được hỗ trợ	Hộ				
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng				
IX	Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ chính sách					
	- Số hộ được hỗ trợ	Hộ				
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng				

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TÁC ĐỘNG THEO NGUYÊN NHÂN NGHÈO
CỦA HỘ NGHÈO 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

(Kèm theo Công văn số 1464/UBND-LDTBXH ngày 18/6/2018 của UBND Thị xã)

UBND:

Số TT	Nguyên nhân nghèo	Tổng số hộ nghèo và soát cuối năm 2017	Số hộ nghèo giảm theo chỉ tiêu giao năm 2018 phân tích theo các nguyên nhân		Số hộ nghèo được hỗ trợ các chính sách giảm nghèo tác động theo nguyên nhân đến 6/2018		Kế hoạch thực hiện đến cuối năm 2018		Ghi chú
			Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Kinh phí	Số hộ	Kinh phí	
A	B	L	2	3,2/1	4	5	6	7	8
	Tổng số hộ nghèo								
1	Thiếu vốn sản xuất								
2	Thiếu đất canh tác								
3	Thiếu phương tiện sản xuất								
4	Thiếu Lao động								
5	Có Lao động nhưng không có việc làm								
6	Không biết cách làm ăn; không có tay nghề								
7	Đồng người ăn theo								
8	Có người ốm đau nặng dài ngày								
9	Mắc tệ nạn xã hội								
10	Chảy lười lao động; không chi tiêu hợp lý								
11	Nguyên nhân khác								
	Tổng số lượt hộ được hỗ trợ (1+..11)								

Ghi chú:

Dòng tổng số hộ nghèo lấy theo số hộ đã điều tra; giao chi tiêu; đã thực hiện

Dòng tổng số lượt hộ bằng tổng các nguyên nhân vì 1 hộ có thể có tới đa 2 nguyên nhân nghèo, có thể được hỗ trợ nhiều chính sách giảm nghèo theo nhiều nguyên nhân. Vì vậy, khi tổng hợp số hộ nguyên nhân phải là số lượt hộ. Tổng số lượt hộ cao hơn số hộ nghèo.

Ví dụ: Xã A có 20 hộ nghèo; giao chi tiêu giảm 2018 là 10 hộ. 6 tháng đầu năm đã hỗ trợ chính sách cho 3 hộ, trong đó 3 hộ vay vốn, 02 hộ được hỗ trợ phương tiện sản xuất, 01 hộ được hỗ trợ đào tạo nghề. Tổng số lượt hộ được hỗ trợ là 6 hộ.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỖ TRỢ TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 1669/UBND-LDTBXH ngày 18/6/2018 của UBND Thị xã)

UBND:

Số TT	Dịch vụ xã hội cơ bản bị thiếu hụt	Tổng số hộ nghèo rà soát cuối năm 2017	Số hộ nghèo giảm theo chỉ tiêu giao năm 2018 phân tích theo thiếu hụt DVXHCB		Lũy kế số hộ nghèo được hỗ trợ các chính sách giảm nghèo tác động tiếp cận DVXHCB 6 tháng đầu năm 2018		Kế hoạch thực hiện đến cuối năm 2018		Ghi chú
			Số hộ	Kinh phí	Số hộ	Kinh phí	Số hộ	Kinh phí	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
A	Số hộ nghèo								
1	Tiếp cận dịch vụ y tế								
2	Bảo hiểm y tế								
3	Trình độ giáo dục người lớn								
4	Tình trạng đi học của trẻ em								
5	Chất lượng về nhà ở								
6	Diện tích nhà ở								
7	Nguồn nước sinh hoạt								
8	Hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh								
9	Sử dụng dịch vụ viễn thông								
10	Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin								
B	Tổng cộng số lượt hộ (1+...10)								

Ghi chú:

Dòng A tổng số hộ nghèo lấy theo số hộ đã điều tra; giao chỉ tiêu: đã thực hiện

Dòng B tổng số lượt hộ bằng tổng các dịch vụ xã hội bị thiếu hụt vì 1 hộ có thể có nhiều DVXHCB bị thiếu hụt, có thể được hỗ trợ nhiều chính sách giảm nghèo theo nhiều chiều thiếu hụt. Vì vậy, khi tổng hợp số hộ theo DVXHCB phải là số lượt hộ

Ví dụ: Xã A có 20 hộ nghèo; giao chỉ tiêu giảm 2018 là 10 hộ. 6 tháng đầu năm đã hỗ trợ chính sách cho 3 hộ, trong đó 3 hộ BHYT, 02 hộ được hỗ trợ trẻ em đi học, 02 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt. Tổng số lượt hộ được hỗ trợ là 7 hộ.

Phụ lục số 09

TỔNG HỢP CỨU TRỢ ĐỘT XUẤT NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 1164/UBND-LĐTBXH ngày 18/6/2018 của UBND Thị xã)

	Loại đối tượng	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2018	Ghi chú
1	Tình hình thiệt hại dân sinh do thiên tai, hỏa hoạn			
1.1	Người chết, mất tích trong năm	Người		
1.2	Người bị thương nặng trong năm	Người		
1.3	Hộ có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng trong năm	Hộ		
1.4	Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp do sạt lở đất, lũ quét trong năm	Hộ		
1.5	Người thiếu đói được hỗ trợ gạo trong năm	Người		
2	Kết quả cứu trợ trong năm			
2.1	Tổng kinh phí cứu trợ dân sinh trong năm	Tr. Đồng		
	<i>Trong đó: - Ngân sách Nhà nước</i>	<i>Tr. Đồng</i>		
	<i>- Từ các nguồn khác</i>	<i>Tr. Đồng</i>		
2.2	Tổng số gạo cứu trợ trong năm	Tấn		
	<i>Trong đó: - Chính phủ hỗ trợ</i>	<i>Tấn</i>		
	<i>- Địa phương hỗ trợ</i>	<i>Tấn</i>		
2.3	Huy động hiện vật (Ước quy đổi thành tiền)	Tr. Đồng		